



Công ty Cổ phần Chứng khoán Việt Nam

Báo cáo tài chính cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2015



Công ty Cổ phần Chứng Khoán Việt Nam
Thông tin về Công ty

Giấy Chứng nhận

Đăng ký Kinh doanh số 0103014784

Ngày 27 tháng 11 năm 2006

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp.

**Giấy phép Hoạt động
Kinh doanh
Chứng khoán số**

21/UBCK-GPHĐKD
184/UBCK-GP
356/UBCK-GP
52/GPĐC-UBCK

Ngày 8 tháng 12 năm 2006
Ngày 20 tháng 1 năm 2009
Ngày 14 tháng 10 năm 2010
Ngày 11 tháng 11 năm 2015

Giấy phép Hoạt động Kinh doanh Chứng khoán và các giấy phép điều chỉnh do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Chan Cheong Yuen
Bà Chu Thị Phương Dung
Ông Ng Weng Seng
Bà Trần Thị Hải Yến
Ông Jaimie Sia Zui Keng

Chủ tịch
Phó Chủ tịch
Ủy viên
Ủy viên
Ủy viên

Ban Giám đốc

Ông Mai Duy Long
Bà Phí Thị Bích An

Tổng Giám đốc
(từ ngày 11 tháng 11 năm 2015)
Tổng Giám đốc
(đến ngày 10 tháng 11 năm 2015)

Trụ sở đăng ký

Tầng 12B, 29 Nguyễn Đình Chiểu
Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty Cổ phần Chứng Khoán Việt Nam
Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần chứng khoán Việt Nam (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 và Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính được trình bày từ trang 5 đến trang 25 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh, lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 và Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính này.

Thay mặt Ban Giám đốc



Mai Duy Long
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 11 tháng 3 năm 2016

**KPMG Limited**

46th Floor, Keangnam Hanoi Landmark Tower, 72-Storey Building,
Plot E6, Pham Hung Street, Cau Giay New Urban Area,
Me Tri Ward, South Tu Liem District, Hanoi City
The Socialist Republic of Vietnam

Telephone +84 (4) 3946 1600
Fax +84 (4) 3946 1601
Internet www.kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi các Cổ đông
Công ty Cổ phần Chứng khoán Việt Nam**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính đính kèm của Công ty Cổ phần Chứng khoán Việt Nam (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 11 tháng 3 năm 2016, được trình bày từ trang 5 đến 25.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 và Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 và Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Giấy chứng nhận đầu tư số: 011043000345

Báo cáo kiểm toán số: 15-02-064/3



Trần Anh Quân

Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số: 0306-2013-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Nguyễn Minh Hiếu

Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số: 1572-2013-007-1

Hà Nội,

11-03-2016

Công ty Cổ phần Chứng khoán Việt Nam
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mẫu B01-CTCK

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND
TÀI SẢN				
A TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+150)	100		94.141.006.671	49.762.334.403
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	6	85.998.606.405	2.496.125.197
Tiền	111		1.772.606.405	2.496.125.197
Các khoản tương đương tiền	112		84.226.000.000	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	7	6.579.964.480	45.684.113.880
Đầu tư ngắn hạn	121		10.867.961.000	48.717.961.000
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(4.287.996.520)	(3.033.847.120)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		430.608.021	431.501.531
Trả trước cho người bán	132		278.294.250	278.294.250
Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	135		196.867	363.039
Các khoản phải thu khác	138		152.116.904	152.844.242
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.131.827.765	1.150.593.795
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.107.807.682	1.063.709.162
Tài sản ngắn hạn khác	158		24.020.083	86.884.633
B TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+250+260)	200		78.192.405.902	119.755.562.377
II. Tài sản cố định	220		761.117.344	1.479.535.578
Tài sản cố định hữu hình	221	8	664.665.280	1.211.233.812
Nguyên giá	222		5.912.158.826	5.912.158.826
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(5.247.493.546)	(4.700.925.014)
Tài sản cố định vô hình	227	9	96.452.064	268.301.766
Nguyên giá	228		1.391.619.550	1.391.619.550
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.295.167.486)	(1.123.317.784)
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		76.829.000.000	117.688.000.000
Đầu tư dài hạn khác	258		76.829.000.000	117.688.000.000
V. Tài sản dài hạn khác	260		602.288.558	588.026.799
Chi phí trả trước dài hạn	261		11.225.987	14.130.590
Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	263	10	316.187.571	299.021.209
Tài sản dài hạn khác	268	11	274.875.000	274.875.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		172.333.412.573	169.517.896.780

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính này.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Việt Nam
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B01-CTCK

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND
NGUỒN VỐN				
A NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		1.172.610.806	1.822.683.168
I. Nợ ngắn hạn	310		1.125.414.972	1.775.487.334
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	12	195.911.873	600.330.532
Chi phí phải trả	316		67.384.400	8.692.200
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	320	13	840.665.953	1.143.205.466
Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	321		19.875	19.875
Các khoản phải trả, phải nộp khác	328		21.432.871	23.239.261
II. Nợ dài hạn	330		47.195.834	47.195.834
Dự phòng trợ cấp thôi việc	336		47.195.834	47.195.834
B VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)	400		171.160.801.767	167.695.213.612
I. Vốn chủ sở hữu	410		171.160.801.767	167.695.213.612
Vốn cổ phần	411	14	135.000.000.000	135.000.000.000
Quỹ dự phòng tài chính	418		1.808.040.089	1.634.760.681
Quỹ dự trữ bổ sung vốn cổ phần	419		1.808.040.089	1.634.760.681
Lợi nhuận chưa phân phối	420		32.544.721.589	29.425.692.250
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		172.333.412.573	169.517.896.780

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính này.

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Mã số	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND
6. Chứng khoán lưu ký	006	26.664.930.000	25.012.940.000
Trong đó:			
6.1 Chứng khoán giao dịch	007	26.522.640.000	24.873.690.000
6.1.1 Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	008	3.583.280.000	3.583.280.000
6.1.2 Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	009	22.939.360.000	21.290.410.000
6.5 Chứng khoán chờ thanh toán	027	127.300.000	131.050.000
6.5.2 Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước	029	127.300.000	131.050.000
6.7 Chứng khoán chờ giao dịch	037	14.990.000	8.200.000
6.7.2 Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng trong nước	039	14.990.000	8.200.000
7. Chứng khoán lưu ký của công ty đại chúng chưa niêm yết	050	5.834.800.000	4.522.350.000
7.1 Chứng khoán giao dịch	051	5.834.800.000	4.522.350.000
7.1.2 Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	053	5.834.800.000	4.522.350.000
8. Chứng khoán chưa lưu ký của khách hàng	082	1.215.000.000	300.000.000

Người lập:

Bà Bùi Thị Quý
Trưởng phòng Kế toán

Người duyệt:



Ông Mai Duy Long
Tổng Giám đốc

Ngày 11 tháng 3 năm 2016

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính này.

	Mã số	Thuyết minh	2015 VND	2014 VND
Doanh thu	01		12.783.085.145	14.512.427.898
<i>Trong đó:</i>				
Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	01.1		24.148.664	45.551.483
Doanh thu hoạt động kinh doanh chứng khoán	01.2		-	286.662.400
Doanh thu hoạt động tư vấn đầu tư	01.5		-	816.735.909
Doanh thu khác	01.9	15	12.758.936.481	13.363.478.106
Doanh thu thuần từ hoạt động kinh doanh (10 = 01)	10		12.783.085.145	14.512.427.898
Chi phí hoạt động kinh doanh	11	16	2.977.882.855	2.663.833.195
Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh (20 = 10 - 11)	20		9.805.202.290	11.848.594.703
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	17	5.470.208.750	5.524.143.110
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 - 25)	30		4.334.993.540	6.324.451.593
Chi phí khác	32		3.008.347	-
Lỗ khác (40 = 32)	40		3.008.347	-
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 - 40)	50		4.331.985.193	6.324.451.593
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	18	866.397.038	1.328.313.622
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)	60		3.465.588.155	4.996.137.971
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	19	257	370

Người lập:



Bà Bùi Thị Quý
Trưởng phòng Kế toán

Người duyệt:



Ông Mai Duy Long
Tổng Giám đốc

Ngày 11 tháng 3 năm 2016

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính này.

	Mã số	2015 VND	2014 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	01	4.331.985.193	6.324.451.593
<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>			
Khấu hao và phân bổ	02	718.418.234	914.731.402
Các khoản dự phòng	03	1.254.149.400	644.991.120
Lãi từ hoạt động kinh doanh chứng khoán	04	-	(286.662.400)
Lãi tiền gửi	05	(12.758.936.481)	(13.313.373.916)
Lỗ từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	(6.454.383.654)	(5.715.862.201)
Giảm các khoản phải thu và tài sản ngắn hạn khác	09	21.836.805	49.311.867
Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(251.716.835)	347.109.017
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(1.264.752.565)	(776.707.608)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(7.949.016.249)	(6.096.148.925)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm tài sản cố định	21	-	(142.670.000)
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	23	78.709.000.000	(6.974.000.000)
Cổ tức nhận được	26	-	286.662.400
Tiền thu lãi tiền gửi	27	12.742.497.457	13.353.846.331
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	91.451.497.457	6.523.838.731
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30)	50	83.502.481.208	427.689.806
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	2.496.125.197	2.068.435.391
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70=50+60) (Thuyết minh 6)	70	85.998.606.405	2.496.125.197

Người lập:



Bà Bùi Thị Quý
Trưởng phòng Kế toán

Người duyệt:



Ông Mai Duy Long
Tổng Giám đốc

Ngày 11 tháng 3 năm 2016

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính này.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Việt Nam

Mẫu B05-CTCK

Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

	Số dư đầu năm		Số tăng/(giảm) trong năm				Số dư cuối năm	
	1/1/2014	1/1/2015	Tăng VND	Giảm VND	Tăng VND	Giảm VND	31/12/2014	31/12/2015
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	135.000.000.000	135.000.000.000	-	-	-	-	135.000.000.000	135.000.000.000
Quỹ dự phòng tài chính	1.384.953.782	1.634.760.681	249.806.899	-	173.279.408	-	1.634.760.681	1.808.040.089
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	1.384.953.782	1.634.760.681	249.806.899	-	173.279.408	-	1.634.760.681	1.808.040.089
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	24.929.168.077	29.425.692.250	4.996.137.971	(499.613.798)	3.465.588.155	(346.558.816)	29.425.692.250	32.544.721.589
	162.699.075.641	167.695.213.612	5.495.751.769	(499.613.798)	3.812.146.971	(346.558.816)	167.695.213.612	171.160.801.767

Người lập:



Bà Bùi Thị Quý

Trưởng phòng Kế toán

Người duyệt:



Ông Mai Duy Long

Tổng Giám đốc

Ngày 11 tháng 3 năm 2016

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính này.

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

Công ty Cổ phần Chứng khoán Việt Nam (“Công ty”) được thành lập tại Việt Nam với các hoạt động chính là thực hiện các hoạt động môi giới chứng khoán, cung cấp dịch vụ tư vấn đầu tư chứng khoán, lưu ký chứng khoán và hoạt động tự doanh chứng khoán.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty có 26 nhân viên (31/12/2014: 28 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 và Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Các chính sách kế toán này có thể khác biệt trên một số khía cạnh trọng yếu so với các Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế cũng như các nguyên tắc và chuẩn mực kế toán được thừa nhận chung ở các quốc gia khác. Do đó, báo cáo tài chính đính kèm không nhằm mục đích phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được thừa nhận chung ở các nước và các quyền tài phán khác ngoài phạm vi Việt Nam. Hơn nữa, việc sử dụng báo cáo tài chính này không nhằm dành cho những đối tượng sử dụng không được biết về các nguyên tắc, thủ tục và thông lệ kế toán của Việt Nam.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”) cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Áp dụng Hướng dẫn Chế độ Kế toán Doanh nghiệp mới ban hành

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ Kế toán Doanh nghiệp (“Thông tư 200”). Thông tư 200 thay thế cho quy định về Chế độ Kế toán Doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 200 có hiệu lực từ ngày 15 tháng 2 năm 2015 và áp dụng cho kỳ kế toán năm bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2015.

Kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2015, Công ty đã áp dụng phi hồi tố các quy định của Thông tư 200. Những thay đổi quan trọng trong chính sách kế toán và các ảnh hưởng đến báo cáo tài chính của Công ty được trình bày trong thuyết minh số 4(n) - Lãi trên cổ phiếu.

4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

(a) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn bao gồm tiền gửi ngân hàng của Công ty và tiền gửi ngân hàng của nhà đầu tư cho mục đích giao dịch chứng khoán và được bao gồm trong các tài khoản tiền gửi ngân hàng do Công ty đứng tên tại các ngân hàng thương mại.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định trước, ít rủi ro về thay đổi giá trị và được giữ nhằm đáp ứng nhu cầu thanh toán ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay các mục đích khác.

(b) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư chứng khoán

Phân loại

Công ty phân loại chứng khoán được mua cho mục đích tự doanh là chứng khoán kinh doanh.

Ghi nhận

Công ty ghi nhận chứng khoán kinh doanh vào ngày Công ty chính thức trở thành một bên theo các điều khoản hợp đồng có hiệu lực của các khoản đầu tư (hạch toán vào ngày giao dịch).

Đo lường

Chứng khoán kinh doanh đã niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh hoặc Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán trên cơ sở tham khảo giá đóng cửa tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh như đề cập trên được hoàn nhập khi việc tăng lên sau đó của giá trị có thể thu hồi là do sự kiện khách quan xảy ra sau khi khoản dự phòng được lập. Dự phòng chỉ được hoàn nhập đến mức tối đa bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư khi chưa lập dự phòng.

Nguyên giá của chứng khoán kinh doanh được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dừng ghi nhận

Các khoản đầu tư chứng khoán bị dừng ghi nhận khi quyền nhận được các luồng tiền từ các khoản đầu tư bị chấm dứt hoặc Công ty đã chuyển đi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn với quyền sở hữu.

(ii) Đầu tư khác

Đầu tư khác bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng tại các tổ chức tài chính.

(c) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu từ giao dịch chứng khoán và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Công ty trích lập dự phòng phải thu khó đòi dựa trên ước tính về khả năng thu hồi của các khoản phải thu, nhưng không thấp hơn mức dự phòng trích lập theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 (“Thông tư 228”).

Theo Thông tư 228, mức trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

<i>Thời gian quá hạn</i>	<i>Mức trích dự phòng</i>
Không quá hạn hoặc quá hạn dưới sáu (06) tháng	0%
Từ trên sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm	30%
Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm	50%
Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm	70%
Trên ba (03) năm	100%

(d) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của tài sản cố định hữu hình gồm giá mua của tài sản, bao gồm cả thuế nhập khẩu, các loại thuế đầu vào không được hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái và vị trí hoạt động cho mục đích sử dụng dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đi vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu thường được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm phát sinh chi phí. Trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng các chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn đã được đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

• Vật kiến trúc	3 – 5 năm
• Máy móc, thiết bị	3 – 5 năm
• Phương tiện vận tải, truyền dẫn	5 năm
• Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 – 5 năm

(e) Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình bao gồm phần mềm máy vi tính. Giá mua của phần mềm vi tính mới mà phần mềm vi tính này không là một bộ phận không thể tách rời với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm vi tính được phân bổ theo phương pháp đường thẳng từ 3 đến 5 năm.

(f) Các khoản phải trả cho người bán và phải trả khác

Các khoản phải trả cho người bán và phải trả khác được phản ánh theo nguyên giá.

(g) Dự phòng

Dự phòng được ghi nhận khi, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có một nghĩa vụ pháp lý và ngầm định mà có thể được ước tính một cách tin cậy và có nhiều khả năng Công ty phải sử dụng các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ đó. Dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu các luồng tiền dự tính trong tương lai theo tỷ lệ trước thuế phản ánh được các đánh giá của thị trường hiện tại về giá trị thời gian của đồng tiền và những rủi ro gắn liền với khoản nợ phải trả đó.

(h) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ trong năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp khoản thuế thu nhập phát sinh liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, khi đó khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp số dư nợ trên bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị xác định theo mục đích thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức thu hồi hoặc thanh toán dự kiến đối với giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận tương ứng với mức lợi nhuận chịu thuế chắc chắn trong tương lai mà lợi nhuận đó có thể dùng để khấu trừ với tài sản thuế thu nhập này. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm khi không còn chắc chắn thu được các lợi ích về thuế liên quan này.

(i) Các quỹ dự trữ pháp định

Theo Thông tư số 146/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 10 năm 2014, các công ty chứng khoán phải thực hiện việc trích lập các quỹ dưới đây từ lợi nhuận sau thuế trước khi phân bổ lợi nhuận:

THH
★
LỢI

	Tỷ lệ trích lập hàng năm	Số dư tối đa
Quỹ dự trữ bổ sung vốn cổ phần	5% lợi nhuận sau thuế	10% vốn góp
Quỹ dự phòng tài chính	5% lợi nhuận sau thuế	10% vốn góp

Quỹ dự phòng tài chính được dùng để bù đắp cho các khoản lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh. Các quỹ dự trữ pháp định này không được phép phân phối và được phân loại là vốn chủ sở hữu.

(j) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông được phân loại là vốn chủ sở hữu. Các chi phí tăng thêm được phân bổ trực tiếp vào giá phát hành cổ phiếu phổ thông được ghi nhận là một khoản giảm trừ từ vốn chủ sở hữu.

(k) Doanh thu

(i) Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán

Doanh thu từ dịch vụ môi giới chứng khoán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi giao dịch chứng khoán đã hoàn thành.

(ii) Doanh thu hoạt động kinh doanh chứng khoán

Doanh thu từ hoạt động kinh doanh chứng khoán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi Công ty nhận được Thông báo thanh toán cho các giao dịch kinh doanh chứng khoán từ Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (đối với chứng khoán niêm yết) và thỏa thuận chuyển nhượng tài sản đã được hoàn tất (đối với chứng khoán chưa niêm yết).

Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi quyền nhận cổ tức của Công ty được thiết lập.

(iii) Doanh thu hoạt động tư vấn đầu tư

Doanh thu từ hoạt động tư vấn đầu tư được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tiến độ hoàn thành giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tiến độ hoàn thành được đánh giá trên cơ sở xem xét các công việc đã được thực hiện.

(iv) Doanh thu khác

Doanh thu khác chủ yếu bao gồm thu nhập tiền lãi từ các tài khoản tiền gửi ngân hàng. Doanh thu từ tiền lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(l) Các khoản thanh toán thuế hoạt động

Các khoản thanh toán thuế hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuế. Các khoản hoa hồng đi thuế được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuế.

(m) Các công ty liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các công ty liên quan đề cập tới các nhà đầu tư và các công ty con và công ty liên kết của các nhà đầu tư này.

(n) Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm.

Trước ngày 1 tháng 1 năm 2015, lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty bao gồm cả số phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi, nếu có. Kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2015, lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty được xác định sau khi trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi. Thay đổi chính sách kế toán này được áp dụng phi hồi tố.

Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng này, Công ty chưa xác định được số phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi trích từ lãi thuần trong năm của Công ty. Do đó, sự thay đổi chính sách kế toán này không ảnh hưởng đến lãi cơ bản trên cổ phiếu.

(o) Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán

Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán theo định nghĩa tại Thông tư 95 và Thông tư 162 do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán được trình bày ở các thuyết minh thích hợp của báo cáo tài chính giữa niên độ này.

(p) Số dư bằng không

Các khoản mục hay số dư quy định trong Thông tư 95 và Thông tư số 162 do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán nếu không được thể hiện trên báo cáo tài chính giữa niên độ thì được hiểu là có số dư bằng không.

5. Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong năm

	2015		2014	
	Khối lượng giao dịch Cổ phiếu	Giá trị giao dịch VND	Khối lượng giao dịch Cổ phiếu	Giá trị giao dịch VND
Của nhà đầu tư/khách hàng Cổ phiếu	833.253	12.605.774.700	1.815.869	25.991.192.200

6. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND
Tiền mặt tại quỹ	25.144.469	47.985.121
Tiền gửi ngân hàng	1.747.461.936	2.448.140.076
▪ <i>Của Công ty chứng khoán</i>	903.768.681	1.299.978.058
▪ <i>Giữ hộ nhà đầu tư</i>	843.693.255	1.148.162.018
Các khoản tương đương tiền	84.226.000.000	-
	<u>85.998.606.405</u>	<u>2.496.125.197</u>

7. Tình hình đầu tư tài chính

Chi tiết các khoản đầu tư ngắn hạn như sau:

	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND
Chứng khoán kinh doanh (i)	6.867.961.000	6.867.961.000
Tiền gửi có kỳ hạn (ii)	4.000.000.000	41.850.000.000
	<u>10.867.961.000</u>	<u>48.717.961.000</u>
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (iii)	(4.287.996.520)	(3.033.847.120)
	<u>6.579.964.480</u>	<u>45.684.113.880</u>

Chi tiết các khoản đầu tư dài hạn như sau:

	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND
Tiền gửi có kỳ hạn (iv)	76.829.000.000	117.688.000.000

Công ty Cổ phần Chứng khoán Việt Nam

Mẫu B09-CTCK

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

(i) Chi tiết các khoản đầu tư được nắm giữ bởi Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 (số dư cuối kỳ) và ngày 1 tháng 1 năm 2015 (số dư đầu kỳ) như sau:

Chứng khoán kinh doanh	Số lượng		Giá gốc		Tăng		So với giá trị trường (Giảm)		Tổng giá trị theo giá trị trường	
	Cuối kỳ Cổ phiếu	Đầu kỳ Cổ phiếu	Cuối kỳ VND	Đầu kỳ VND	Cuối kỳ VND	Đầu kỳ VND	Cuối kỳ VND	Đầu kỳ VND	Cuối kỳ VND	Đầu kỳ VND
	358.328	358.328	6.867.961.000	6.867.961.000	-	-	(4.287.996.520)	(3.033.847.120)	2.579.964.480	3.834.113.880
Cổ phiếu niêm yết	358.328	358.328	6.867.961.000	6.867.961.000	-	-	(4.287.996.520)	(3.033.847.120)	2.579.964.480	3.834.113.880
▪ SMC	358.328	358.328	6.867.961.000	6.867.961.000	-	-	(4.287.996.520)	(3.033.847.120)	2.579.964.480	3.834.113.880

(ii) Đây là các khoản tiền gửi tại ngân hàng bằng VND có kỳ hạn gốc 6 tháng và hưởng lãi suất 7,1%/năm (31/12/2014: từ 6,97%/năm đến 7,5%/năm).

(iii) Biến động dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn trong năm như sau:

	2015 VND	2014 VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1	3.033.847.120	2.388.856.000
Dự phòng trích lập trong năm (Thuyết minh 16)	1.254.149.400	644.991.120
Số dư tại ngày 31 tháng 12	4.287.996.520	3.033.847.120

(iv) Đây là các khoản tiền gửi tại ngân hàng bằng VND có kỳ hạn gốc đến ngày đáo hạn từ 13 tháng đến 36 tháng và hưởng lãi suất từ 6,12%/năm đến 7,13%/năm (31/12/2014: từ 6,3%/năm đến 9,19%/năm).

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

8. Tài sản cố định hữu hình

2015	Vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm và cuối năm	1.125.419.059	3.199.251.911	1.104.389.000	483.098.856	5.912.158.826
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	712.305.049	2.991.979.954	513.541.155	483.098.856	4.700.925.014
Khấu hao trong năm	181.225.199	144.465.417	220.877.916	-	546.568.532
Số dư cuối năm	893.530.248	3.136.445.371	734.419.071	483.098.856	5.247.493.546
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	413.114.010	207.271.957	590.847.845	-	1.211.233.812
Số dư cuối năm	231.888.811	62.806.540	369.969.929	-	664.665.280

Bao gồm trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 có các tài sản với nguyên giá 3.701.911.467 VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (31/12/2014: 3.007.348.901 VND).

Công ty Cổ phần Chứng khoán Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B09-CTCK

2014	Vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	1.125.419.059	3.056.581.911	1.104.389.000	483.098.856	5.769.488.826
Tăng trong năm	-	142.670.000	-	-	142.670.000
Số dư cuối năm	1.125.419.059	3.199.251.911	1.104.389.000	483.098.856	5.912.158.826
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	523.989.649	2.791.841.370	292.663.239	483.098.856	4.091.593.114
Khấu hao trong năm	188.315.400	200.138.584	220.877.916	-	609.331.900
Số dư cuối năm	712.305.049	2.991.979.954	513.541.155	483.098.856	4.700.925.014
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	601.429.410	264.740.541	811.725.761	-	1.677.895.712
Số dư cuối năm	413.114.010	207.271.957	590.847.845	-	1.211.233.812

9. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy vi tính	
	2015 VND	2014 VND
Nguyên giá		
Số dư đầu năm và cuối năm	1.391.619.550	1.391.619.550
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu năm	1.123.317.784	817.918.282
Khấu hao trong năm	171.849.702	305.399.502
Số dư cuối năm	1.295.167.486	1.123.317.784
Giá trị còn lại		
Số dư đầu năm	268.301.766	573.701.268
Số dư cuối năm	96.452.064	268.301.766

Bao gồm trong tài sản cố định vô hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 có các tài sản với nguyên giá VND1,360,118,950 VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (31/12/2014: 833.841.500 VND).

10. Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ Thanh toán

Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ Thanh toán phản ánh các khoản tiền ký quỹ tại Trung Tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.

Theo Quyết định số 57/QĐ-VSD ngày 28 tháng 5 năm 2012 của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam, Công ty phải ký quỹ một khoản tiền ban đầu là 120 triệu VND tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam và hàng năm phải đóng thêm 0,01% trên doanh số giao dịch môi giới chứng khoán niêm yết tại các Sở Giao dịch Chứng khoán của năm liền trước với số tiền đóng góp hàng năm vào Quỹ Hỗ trợ Thanh toán không quá 2,5 tỷ VND.

Biến động các khoản tiền nộp Quỹ hỗ trợ Thanh toán trong năm như sau:

	2015 VND	2014 VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1	299.021.209	269.002.528
Thu nhập lãi trong năm (<i>Thuyết minh 15</i>)	17.166.362	30.018.681
Số dư tại ngày 31 tháng 12	316.187.571	299.021.209

11. Tài sản dài hạn khác

Các tài sản dài hạn khác phản ánh tiền đặt cọc thuê văn phòng của Công ty.

12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	165.727.229	564.082.756
Thuế thu nhập cá nhân	30.184.644	36.247.776
	195.911.873	600.330.532

13. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán

	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND
Tiền gửi thanh toán giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư	839.239.146	1.141.249.966
Phải trả Trung tâm lưu ký chứng khoán	1.333.307	1.220.188
Phải trả Sở giao dịch chứng khoán	93.500	735.312
	840.665.953	1.143.205.466

14. Vốn góp cổ phần

Vốn cổ phần đã được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2015		31/12/2014	
	Số lượng cổ phiếu	VND	Số lượng cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	13.500.000	135.000.000.000	13.500.000	135.000.000.000
Cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	13.500.000	135.000.000.000	13.500.000	135.000.000.000

Công ty Cổ phần Chứng khoán Việt Nam **Mẫu B09-CTCK**
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Tại ngày báo cáo, tình hình các cổ đông và tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu trong Công ty như sau:

	31/12/2015		31/12/2014	
	VND	%	VND	%
RHB Investment Bank Berhad	66.150.000	49,0	66.150.000	49,0
Bà Chu Thị Phương Dung	57.915.000	42,9	57.915.000	42,9
Bà Trương Lan Anh	6.885.000	5,1	6.885.000	5,1
Công ty Môi giới Bảo hiểm Việt Quốc	4.050.000	3,0	4.050.000	3,0
	135.000.000	100,0	135.000.000	100,0

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có quyền như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

15. Doanh thu khác

	2015 VND	2014 VND
Thu nhập lãi từ		
▪ Tiền gửi ngân hàng	12.741.770.119	13.333.459.425
▪ Tiền gửi tại Quỹ Hỗ trợ Thanh toán (<i>Thuyết minh 10</i>)	17.166.362	30.018.681
	12.758.936.481	13.363.478.106

16. Chi phí hoạt động kinh doanh

	2015 VND	2014 VND
Chi phí môi giới chứng khoán	3.673.456	7.770.718
Chi phí lưu ký chứng khoán	15.358.759	13.896.607
Trích lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán kinh doanh (<i>Thuyết minh 7</i>)	1.254.149.400	644.991.120
Chi phí thuê sử dụng tài sản	777.114.717	800.634.479
Chi phí nhân viên	395.855.770	654.761.177
Công cụ và dụng cụ	198.199.050	112.252.482
Chi phí khấu hao và phân bổ	244.771.382	323.087.068
Chi phí khác	88.760.321	106.439.544
	2.977.882.855	2.663.833.195

17. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2015 VND	2014 VND
Lương và các chi phí liên quan	2.917.578.711	2.571.043.544
Chi phí khấu hao và phân bổ	473.646.852	591.644.334
Chi phí dịch vụ ngoài	1.395.696.045	1.468.795.433
Chi phí vật liệu, văn phòng phẩm	83.578.707	179.227.130
Công cụ và dụng cụ	95.796.191	66.291.729
Thuê và lệ phí	20.109.560	15.408.656
Chi phí khác	483.802.684	631.732.284
	5.470.208.750	5.524.143.110

18. Thuế thu nhập

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	2015 VND	2014 VND
Chi phí thuế hiện hành	866.397.038	1.328.313.622

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2015 VND	2014 VND
Lợi nhuận trước thuế	4.331.985.193	6.324.451.593
Thuế theo thuế suất của Công ty	866.397.038	1.391.379.350
Thu nhập không chịu thuế	-	(63.065.728)
	866.397.038	1.328.313.622

(c) Thuế suất áp dụng

Theo quy định tại Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 của Bộ Tài chính, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất bằng 20% lợi nhuận chịu thuế do doanh thu của kỳ kế toán trước ít hơn 20 tỷ VND. Việc tính thuế thu nhập doanh nghiệp phụ thuộc vào sự kiểm tra và phê duyệt của cơ quan thuế.

19. Lãi trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông là 3.465.588.155 VND (2014: 4.996.137.971 VND) và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền là 13.500.000 cổ phiếu (2014: 13.500.000 cổ phiếu).

20. Cam kết

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán như sau:

	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND
Đã phê duyệt và đã được ký kết hợp đồng	395.974.455	384.658.830

Người lập:



Bà Bùi Thị Quý
Trưởng phòng Kế toán

Người duyệt:



Ông Mai Duy Long
Tổng Giám đốc

Ngày 11 tháng 3 năm 2016